

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 2756/2002/QĐ-
BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Về việc ban hành

Thế lệ báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 12 tháng 7 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22-3-1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Pháp chế Vận tải và Ông Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Thế lệ báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải" kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của thế lệ này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 1/10/2002 và thay thế Quyết định số 39/QĐ-PC ngày 03 tháng 01 năm 1974 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thế lệ điều tra và báo cáo tai nạn tàu, thuyền biển, và hủy bỏ các quy định có liên quan đến chế độ báo cáo thống kê tai nạn giao thông đường biển tại Quyết định số 1071/QĐ-PC ngày 26/6/1981 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành chế độ báo cáo thống kê tai nạn giao thông.

Điều 4. Các Công Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Thủ trưởng các Vụ, Ban tham mưu của Bộ và các chủ tàu thuyền, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thế lệ báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải

Chương I

Những quy định chung

Điều 1: Mục đích điều chỉnh

Bản Thể lệ này quy định cụ thể về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải nhằm tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước về an toàn hàng hải.

Điều 2: Phạm vi áp dụng

1. Các quy định của Thể lệ này được áp dụng đối với các tai nạn sau đây:

- Tất cả các tai nạn liên quan đến tàu biển Việt Nam;
- Tai nạn liên quan đến tàu biển nước ngoài khi hoạt động trong phạm vi các vùng biển Việt Nam;
- Tai nạn của các phương tiện thủy khác hoạt động trong phạm vi vùng nước các cảng biển, khu vực hàng hải.

2. Các quy định của Thể lệ này không áp dụng khi tai nạn xảy ra đối với các tàu biển chuyên dùng vào mục đích quân sự và bảo vệ an ninh, trật tự thuộc các lực lượng vũ trang, nếu tai nạn không gây hại cho an toàn hàng hải, môi trường.

Điều 3: Trách nhiệm phối hợp điều tra tai nạn hàng hải

Chủ tàu, thuyền trưởng, Sĩ quan và thuyền viên của tàu, các cơ quan, đơn vị hữu quan có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra tai nạn hàng hải.

Điều 4: Giải thích từ ngữ

1. *Sự cố hàng hải* là những sự kiện bất thường xảy ra trong quá trình hoạt động của tàu biển và có khả năng gây nguy hiểm cho người, tàu, công trình kiến trúc hoặc môi trường.

2. *Tai nạn hàng hải* là một hay nhiều sự cố hàng hải gây ra một trong các hậu quả sau:

- Người bị chết, bị mất tích hoặc bị tổn hại sức khỏe;
- Tàu bị chìm đắm, bị mất tích hoặc bị thiệt hại về vật chất do đâm va, va chạm, mắc cạn, cháy, nổ, hư hỏng kết cấu, máy móc, trang thiết bị kỹ thuật thiết yếu của tàu;
- Môi trường bị ô nhiễm hoặc các công trình, thiết bị ngầm dưới nước và trên mặt nước bị hư hại hoặc luồng tàu biển bị ách tắc.

3. *Tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng* là tai nạn gây ra một trong các thiệt hại sau:

- Làm chết hoặc mất tích trên ba người;

b. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của trên mười người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

c. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của sáu người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

d. Gây thiệt hại về tài sản, vật chất mà chi phí cho việc sửa chữa, lai dắt, trục vớt, thanh thải phương tiện chìm đắm; hoặc chi phí cho việc khắc phục hư hỏng của công trình ngầm dưới nước và trên mặt nước; hoặc chi phí khắc phục ách tắc luồng tàu biển; chi phí khắc phục sự cố môi trường với giá trị trên một tỷ đồng;

đ. Làm ách tắc luồng chính vào cảng biển trên 72 giờ;

e. Gây thiệt hại đồng thời về tính mạng, sức khỏe con người và tài sản, vật chất thuộc 02 đến 04 trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều này;

4. *Tai nạn hàng hải nghiêm trọng* là tai nạn gây ra một trong các thiệt hại sau:

a. Làm chết hoặc mất tích từ một đến ba người;

b. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm đến mười người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

c. Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến năm người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

d. Gây thiệt hại về tài sản, vật chất mà chi phí cho việc sửa chữa, lai dắt, trục vớt, thanh thải phương tiện chìm đắm; hoặc chi phí cho việc khắc phục hư hỏng của công trình ngầm dưới nước và trên mặt nước; hoặc chi phí khắc phục ách tắc luồng tàu biển; chi phí khắc phục sự cố môi trường với giá trị từ năm trăm triệu đến một tỷ đồng;

đ. Làm ách tắc luồng chính vào cảng biển từ 24 giờ đến 72 giờ;

5. *Tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng* là các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. *Điều tra tai nạn hàng hải* là việc xác định điều kiện, hoàn cảnh, nguyên nhân hay những khả năng có thể là nguyên nhân gây tai nạn hàng hải nhằm có những biện pháp hữu hiệu phòng tránh và hạn chế tai nạn tương tự.

7. *Cán bộ điều tra tai nạn hàng hải* là cán bộ Cảng vụ hàng hải có trình độ, năng lực chuyên môn và kiến thức pháp luật cần thiết được Giám đốc Cảng vụ hàng hải chỉ định; trừ trường hợp đặc biệt, cán bộ điều tra do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.

8. *Thông tin ban đầu về tai nạn* là các thông tin về tàu hoặc đối tượng bị nạn, các hoạt động của tàu trước và trong chuyến đi bị nạn, điều kiện và hoàn cảnh ngay trước khi bị nạn...

Chương II

Báo cáo, thông kê tai nạn hàng hải

Điều 5: Báo cáo tai nạn hàng hải.

Báo cáo tai nạn hàng hải bao gồm *Báo cáo khẩn*, *Báo cáo chi tiết* và *Báo cáo định kỳ* theo các mẫu biểu ban hành kèm theo Thể lệ này. Các nội dung báo cáo tai nạn hàng hải phải trung thực, chính xác, đúng thời hạn; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn gửi báo cáo do Cảng vụ hàng hải hoặc Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định.

Điều 6: Báo cáo khẩn.

1. Trường hợp tai nạn xảy ra trong phạm vi các vùng biển Việt Nam:

a. Thuyền trưởng tàu biển hoặc người có trách nhiệm cao nhất trên phương tiện thủy phải có *Báo cáo khẩn* gửi cho Cảng vụ hàng hải gần nhất.

Nếu vì một lý do nào đấy, những người nói trên không thực hiện được Báo cáo khẩn thì Chủ tàu, Chủ phương tiện hay Đại lý của tàu bị nạn có trách nhiệm báo cáo.

b. Cảng vụ hàng hải nhận được *Báo cáo khẩn* hoặc biết tin về tai nạn xảy ra có trách nhiệm chuyển ngay *Báo cáo khẩn* hoặc các thông tin về tai nạn cho các cơ quan, đơn vị sau đây biết:

Cục Hàng hải Việt Nam;

Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam, nếu tai nạn gây hư hỏng, làm mất tác dụng các thiết bị trợ giúp hàng hải;

Cơ quan, tổ chức quản lý, khai thác các công trình, thiết bị... nếu tai nạn gây hư hỏng, tổn thất cho các công trình, thiết bị này;

Sở Khoa học công nghệ và môi trường và Sở Thủy sản của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nếu tai nạn gây ra hoặc có khả năng gây ra sự cố môi trường hay tổn hại nguồn lợi thủy sản.

2. Trường hợp tai nạn xảy ra với các tàu biển Việt Nam khi hoạt động ngoài phạm vi các vùng biển Việt Nam, Thuyền trưởng phải báo cáo theo yêu cầu của quốc gia ven biển và gửi *Báo cáo khẩn* cho Cục Hàng hải Việt Nam trong vòng 24 giờ kể từ khi tai nạn xảy ra.

Nếu tai nạn thuộc loại *đặc biệt nghiêm trọng*, Thuyền trưởng hoặc Chủ tàu phải báo cáo cho Đại sứ quán (Lãnh sự quán) hoặc Cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước đó biết, hỗ trợ giải quyết.

3. *Báo cáo khẩn* có thể được gửi qua một trong những phương thức thông tin liên lạc như điện tín, fax, telex hay thư điện tử (e-mail).

Trường hợp tai nạn xảy ra trong phạm vi vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải ở Việt Nam, thì Thuyền trưởng của tàu có thể báo cáo khẩn cho Trục ban Cảng vụ hàng hải qua VHF hoặc điện thoại của tàu, nhưng sau đó vẫn phải báo cáo bằng văn bản.